

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12-40

QUẢN
KIỂM

QUẢN
ĐÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Và Dịch vụ Khánh Hội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2001 và được thay đổi lần thứ 26 ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0302251673.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Hoạt động chính của Công ty

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê bến bãi; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho.); Kinh doanh Nhà Hàng.

Tên tiếng Anh: Khanh Hoi Investment And Services Corporation

Tên viết tắt: KHAHOMEX

Trụ sở chính: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Tp.Hồ Chí Minh

Công ty con

Công ty nắm quyền kiểm soát 100% Công ty TNHH MTV Mầm non Khánh Hội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308844327 cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 03 tháng 02 năm 2016 với vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng), hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Công ty nắm quyền kiểm soát 100% Công ty TNHH Grand Riverside Palace - được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316596445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2020 với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Nhóm Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có

Hội đồng Quản trị

	Miễn nhiệm	Bổ nhiệm
Bà Ngô Thị Liên Kiều		Chủ tịch
Bà Thân Thị Thu Thảo		Thành viên
Ông Nguyễn Cao Trí		Thành viên
Bà Trần Thị Thùy Trang		Thành viên
Ông Trần Xuân Bách		Thành viên
Ông Trần Hải Bình	22/06/2022	
Ông Bùi Công Lương	22/06/2022	
Bà Trần Thị Thanh Thủy	22/06/2022	

Ban Kiểm soát

Bà Mai Minh Phương		Trưởng ban
Bà Vũ Kim Liên		Thành viên
Bà Mai Nguyễn Thanh Thảo		Thành viên
Bà Vũ Thị Bích Hiền	22/06/2022	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Miễn nhiệm

Bà Thân Thị Thu Thảo

Tổng Giám đốc

Ông Quách Toàn Bình

Phó Tổng Giám đốc 10/01/2022

Ông Nguyễn Văn Ngung

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính là Bà Thân Thị Thu Thảo - Tổng Giám đốc.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc (MOORE AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



THÂN THỊ THU THẢO

Tổng Giám đốc



Số: 07.22.422-SXHN/MOORE AISC-DN1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội (gọi tắt là "Công ty") và các công ty Con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



MOORE AISC

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Dào Nguyễn Lý Hằng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số : 1169-2018-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		528.342.943.818	420.388.375.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.631.250.774	271.655.272.134
1. Tiền	111		2.131.250.774	655.272.134
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	271.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	-	8.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	8.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		517.959.622.754	139.475.961.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.995.007.825	12.673.052.959
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	122.244.998.924	121.681.840.845
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	379.500.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	14.562.846.611	5.325.033.047
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(343.230.606)	(203.965.373)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		206.115.987	131.732.773
1. Hàng tồn kho	141		206.115.987	131.732.773
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		545.954.303	325.409.369
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	475.550.907	310.113.178
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.397.964	4.695.455
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	11.005.432	10.600.736
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		426.147.726.548	114.828.483.890
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		300.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	300.000.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.295.952.827	9.422.809.622
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.232.472.827	9.422.809.622
- Nguyên giá	222		26.580.311.726	23.974.665.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.347.838.899)	(14.551.856.268)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	63.480.000	-
- Nguyên giá	228		909.620.000	846.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(846.140.000)	(846.140.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	17.355.403.842	17.949.284.958
- Nguyên giá	231		43.097.993.030	43.097.993.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.742.589.188)	(25.148.708.072)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	30.867.356.983	26.754.933.011
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		769.099.462	769.099.462
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30.098.257.521	25.985.833.549
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	66.420.981.292	60.650.007.290
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		52.295.405.950	48.085.372.048
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.907.856.666	29.907.856.666
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.782.281.324)	(17.343.221.424)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		208.031.604	51.449.009
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	48.031.604	51.449.009
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		160.000.000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		954.490.670.366	535.216.859.644

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		624.662.369.109	226.543.792.364
I. Nợ ngắn hạn	310		423.859.755.109	225.742.778.364
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	1.725.655.944	1.697.236.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	400.136.373.854	200.255.936.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	4.431.552.268	7.593.249.404
4. Phải trả người lao động	314		708.173.993	384.575.306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	819.050.045	147.368.285
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.136.365	1.584.349
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	13.830.972.164	13.720.484.635
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.189.840.476	1.942.342.922
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		200.802.614.000	801.014.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	200.802.614.000	801.014.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.828.301.257	308.673.067.280
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	329.828.301.257	308.673.067.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.203.090.000	141.203.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.875.840.338	128.875.840.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(5.551.626.964)	(5.551.626.964)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.300.997.883	44.145.763.906
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.673.266.352	19.872.046.054
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.627.731.531	24.273.717.852
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		954.490.670.366	535.216.859.644



THÂN THỊ THU THẢO

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

NGUYỄN VĂN NGƯNG

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM NGÂN

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.985.807.360	22.838.376.927
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.985.807.360	22.838.376.927
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.430.746.105	6.976.703.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.555.061.255	15.861.673.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.400.100.476	4.489.317.173
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.560.940.100)	1.320.288.882
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	486.518.082
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		8.337.033.902	522.382.961
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	395.511.548	279.562.087
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.990.187.255	4.539.787.438
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		25.467.436.930	14.733.735.257
12. Thu nhập khác	31	VI.6	2.557.297.973	2.749.909.639
13. Chi phí khác	32	VI.7	2.729.924.708	2.450.815.807
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(172.626.735)	299.093.832
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.294.810.195	15.032.829.089
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.827.078.664	2.814.127.004
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(160.000.000)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.627.731.531	12.218.702.085
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		21.627.731.531	12.218.702.085
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	63		-	-
21. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.549	875
22. Lãi/lỗ suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.549	875



THÂN THỊ THU THẢO

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

NGUYỄN VĂN NGUNG

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM NGÂN

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.294.810.195	15.032.829.089
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8;9;10	1.389.863.747	1.341.616.115
- Các khoản dự phòng	03		(1.421.674.867)	994.399.809
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.737.134.378)	(5.011.700.134)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	-	486.518.082
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.525.864.697	12.843.662.961
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(291.433.033.714)	(119.645.241.655)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(74.383.214)	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		387.630.699.234	120.517.833.748
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(162.020.324)	82.325.003
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(464.490.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	4.037.757.902	(1.666.370.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		247.497.554	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(844.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		106.772.382.135	10.823.218.484
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.878.503.971)	(120.351.890.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(780.000.000.000)	(225.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		409.300.000.000	347.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.618.000.000)	(12.636.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.400.100.476	3.701.510.052
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(368.796.403.495)	(6.786.379.948)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	-	184.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	-	(184.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(262.024.021.360)	4.036.838.536
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		271.655.272.134	3.432.018.803
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	9.631.250.774	7.468.857.339



THÂN THỊ THU THẢO

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

NGUYỄN VĂN NGƯNG

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM NGÂN

Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh bất động sản

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê bến bãi; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho); Dịch vụ quản lý cao ốc và Giáo dục mầm non; Kinh doanh Nhà Hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh xây dựng dự án kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác của Công ty có chu kỳ trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm công ty**5.1 Danh sách các công ty Con**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có hai (02) công ty Con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội 360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Tp. HCM (*)	Giáo dục	100%	100%
Công ty TNHH Grand Riverside Palace Văn phòng làm việc tầng V5 Tầng 6, Chung cư cao tầng Khánh Hội 2, số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, Tp. HCM	Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê	100%	100%

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty TNHH MTV Mầm non Khánh Hội đã thực hiện giải thể Trường mầm non Khánh Hội theo Quyết định số 101/QĐ-UBND-NC ngày 01/04/2022 và đang thực hiện các thủ tục để bàn giao tài sản công trình trường mầm non về cho Công ty mẹ.

5.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

Tên và địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Hóc Môn 179 Ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại	20%	20%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu Đài Ven Sông 360D Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, Tp.HCM	Thương mại, dịch vụ	34%	34%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty Con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua công ty Con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty Con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Nhóm Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty Con

* Khi Nhóm Công ty tiếp tục đầu tư vào công ty Con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty Con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

* Khi giao dịch thoái vốn không làm Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát đối với công ty Con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty Con và giá trị phần tài sản thuần của công ty Con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

* Khi giao dịch thoái vốn dẫn đến việc Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát đối với công ty Con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty Con và giá trị phần tài sản thuần của công ty Con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua (phương pháp vốn chủ sở hữu) nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Nhóm Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết, liên doanh được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận dưới các hình thức Nhóm Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư

Khoản đầu tư mà Nhóm Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Nhóm Công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Công cụ, dụng cụ; hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí khác liên quan đến dự án.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nhóm Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC quy định lợi nhuận được hiểu là khoản tiền còn dư ra sau khi trừ đi các chi phí cho việc đầu tư, quản lý tài sản góp vốn được chuyển lại cho Nhóm Công ty.

Khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, Công ty ghi nhận là nợ phải trả và không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản trả lại và giá trị khoản nhận góp của các bên được phản ánh là thu nhập khác hoặc chi phí khác.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Nhóm Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí hoạt động kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Nhóm Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Nhóm Công ty và đối tượng phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí tiền điện, tiền nước, chi phí sửa chữa văn phòng, tiền thuê đất đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ước tính hợp lý dựa trên các hợp đồng, thông báo, thỏa thuận cụ thể.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Nhóm Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ; các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Nhóm Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Nhóm Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2022 Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

22. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, vay ngắn hạn, vay dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

23. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2022		01/01/2022	
Tiền	2.131.250.774		655.272.134	
Tiền mặt	179.232.000		307.446.000	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.950.841.552		340.764.810	
Tiền đang chuyển	1.177.222		7.061.324	
Các khoản tương đương tiền	7.500.000.000		271.000.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	7.500.000.000		271.000.000.000	
Cộng	9.631.250.774		271.655.272.134	
2. Các khoản đầu tư tài chính	Xem thuyết minh trang 35-36			
3. Phải thu của khách hàng	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Khách hàng trong nước	1.995.007.825	(281.321.515)	12.673.052.959	(160.629.009)
<i>Công ty CP Dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe và Giải trí Khánh Hội</i>	535.430.031	(267.715.015)	535.430.031	(160.629.009)
<i>Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu Đài Ven Sông</i>	29.445.039	-	10.983.413.193	-
<i>Đối tượng khác</i>	1.430.132.755	(13.606.500)	1.154.209.735	-
Cộng	1.995.007.825	(281.321.515)	12.673.052.959	(160.629.009)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu đài Ven sông	29.445.039	-	10.983.413.193	-
Cộng	29.445.039	-	10.983.413.193	-

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Capella Center (1)	3.500.000.000	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Capella (2)	69.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Chloe Hospitality (3)	7.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Gia Long Group (4)	300.000.000.000	-	-	-
Cộng	379.500.000.000	-	-	-

(1) Cho Công ty CP Capella Center vay theo HĐ số 0101/HĐVV-2022 ngày 04/01/2022, lãi suất 6%/năm, thời hạn 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh.

(2) Cho Công ty CP Tập đoàn Capella vay theo các hợp đồng sau:

- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội cho vay theo HĐ số 01.01/HĐVV-2022 ngày 04/01/2022, 0205/HĐVV-2022 ngày 10/5/2022, 0105/HĐVV-2022 ngày 04/5/2022, 0204/HĐVV-2022 lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh. Tại ngày 30/06/2022 số dư của khoản cho vay là 44.000.000.000 VNĐ.

- Công ty TNHH Grand Riverside Palace cho vay theo HĐ số 02.01/HĐVV-2022 ngày 06/01/2022 lãi suất 6%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh. Tại ngày 30/06/2022 số dư của khoản vay là 23.000.000.000 VNĐ.

- Công ty TNHH MTV Mầm non Khánh Hội cho vay theo HĐ số 0605/HĐVV-2022 tháng 05/2022, lãi suất 6%, thời hạn vay 12 tháng, mục đích để kinh doanh. Tại ngày 30/06/2022 số dư của khoản vay là 2.000.000.000 VNĐ.

(3) Cho Công ty TNHH Chloe Hospitality vay theo HĐ số 0201/HĐVV-2022 ngày 05/01/2022, lãi suất 6%/năm, thời hạn 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh.

(4) Công ty TNHH Grand Riverside Palace cho Công ty CP Gia Long Group vay theo các HĐ 0102/GL/HĐVV-2022 ngày 09/02/2022 giá trị khoản cho vay 100.000.000.000 VNĐ, 0202/GL/HĐVV-2022 ngày 15/02/2022 giá trị khoản cho vay 200.000.000.000 VNĐ lãi suất 6%/năm, thời hạn 6 tháng, mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Trả trước cho người bán

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Kiến trúc Đồng Nhân	4.459.922.110	-	3.700.389.450	-
Công ty TNHH Xây dựng Sài Gòn Tekcons	1.601.830.036	-	1.433.601.600	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Sacombank (*)	115.137.500.000	-	115.137.500.000	-
Các đối tượng khác	1.045.746.778	-	1.410.349.795	-
Cộng	122.244.998.924	-	121.681.840.845	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Khoản đặt cọc và thanh toán đợt 1 (25%) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sacombank liên quan đến việc mua lô đất tại 245/61B Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh theo Biên bản Bán đấu giá tài sản ngày 05/3/2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Ngân hàng Sacombank vẫn chưa bàn giao mặt bằng.

6. Phải thu khác	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	14.562.846.611	(61.909.091)	5.325.033.047	(43.336.364)
Tạm ứng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	5.650.000	-	5.650.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	11.940.821.915	-	3.027.278.353	-
Phải thu khác	616.374.696	(61.909.091)	292.104.694	(43.336.364)
+ Các đối tượng khác	616.374.696	(61.909.091)	292.104.694	(43.336.364)
b. Dài hạn	300.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Tập Đoàn Bến Thành Holdings Group (*)	300.000.000.000	-	-	-
Cộng	314.562.846.611	(61.909.091)	5.325.033.047	(43.336.364)

b. Phải thu khác là các bên liên quan

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
+ Công ty CP Tập đoàn Capella	3.966.246.573	-	2.162.794.517	-
+ Công ty TNHH Chloe Hospitality	510.904.110	-	308.383.562	-
+ Công ty CP Gia Long Group	7.113.698.630	-	-	-
Cộng	11.590.849.313	-	3.027.278.353	-

(*) Khoản đặt cọc theo hợp đồng 06/HĐHT-2022 ngày 04/3/2022 với Cty CP Tập đoàn Bến Thành Holdings Group để thực hiện dự án Khu phức hợp thương mại tại tỉnh Quảng Ninh.

7. Nợ xấu (xem thuyết minh trang 37)

8. Tài sản dở dang dài hạn	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	769.099.462	-	769.099.462	-
Công trình Khánh Hội Plaza	227.272.727	-	227.272.727	-
Công trình 2-4-6 Đoàn Như Hà (2)	541.826.735	-	541.826.735	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Xây dựng cơ bản dở dang	30.098.257.521	-	25.985.833.549	-
- Xây dựng cơ bản	26.106.945.617	-	23.055.171.217	-
Công trình 68-70-72-74 Nguyễn Tất Thành (3)	11.878.414.688	-	11.878.414.688	-
Công trình 360-360D Bến Vân Đồn (1)	6.292.417.329	-	6.292.417.329	-
Công trình Nhà hàng Hoa 2-4-6 Đoàn Như Hải	7.413.718.600	-	4.521.839.200	-
Công trình khác (4)	522.395.000	-	362.500.000	-
Sửa chữa, thi công, cải tạo trường Mầm Non Khánh Hội	3.991.311.904	-	2.930.662.332	-
Cộng	30.867.356.983	-	26.754.933.011	-

(1) Đầu tư xây dựng Dự án Trung tâm thương mại kết hợp cao ốc văn phòng cho thuê (tên gọi cũ là Trung tâm TM - Cao ốc Văn phòng (KHANHHOI PLAZA) tại 360-360D Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP.HCM. Dự án đã thông qua thẩm định thiết kế cơ sở của Cục Quản lý hoạt động xây dựng ngày 20/7/2020 và đang tiếp tục thực hiện bổ sung các hồ sơ pháp lý.

(2) Khoản đầu tư Dự án công trình cao ốc văn phòng làm việc tại số 2-4-6 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4. Công ty đã thuê đất từ UBND TP.HCM theo Hợp đồng thuê đất số 7135/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 01/8/2006. Dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công ngày 04/5/2020 và đang đợi xét duyệt cho phép xây dựng. Trong đó, một số chi phí như chi phí làm thủ tục, triển khai, xin giấy phép Dự án, có giá trị 320.000.000 VND chưa tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

(3) Chi phí mua nhà tại Dự án trung tâm thương mại địa chỉ 68-74 Nguyễn Tất Thành, Quận 4. Công ty hợp tác với Công ty CP Cảng Sài Gòn để thực hiện Dự án này. Dự án đang trong giai đoạn thực hiện bổ sung các hồ sơ pháp lý.

(4) Chi phí thực hiện các Dự án khác (chưa tập hợp đầy đủ, hóa đơn chứng từ).

9. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh trang 38

10. Tài sản cố định vô hình

	Thiết kế web	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	53.140.000	793.000.000	846.140.000
Mua trong kỳ	63.480.000	-	-
Số dư cuối kỳ	116.620.000	793.000.000	909.620.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	53.140.000	793.000.000	846.140.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	53.140.000	793.000.000	846.140.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	63.480.000	-	63.480.000

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 846.140.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	39.867.374.709	3.230.618.321	43.097.993.030
Số dư cuối kỳ	39.867.374.709	3.230.618.321	43.097.993.030
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	24.114.910.353	1.033.797.719	25.148.708.072
Khấu hao trong kỳ	561.574.932	32.306.184	593.881.116
Số dư cuối kỳ	24.676.485.285	1.066.103.903	25.742.589.188
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	15.752.464.356	2.196.820.602	17.949.284.958
Số dư cuối kỳ	15.190.889.424	2.164.514.418	17.355.403.842

* Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/6/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

12. Chi phí trả trước	30/06/2022	01/01/2022
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	475.550.907	310.113.178
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	475.550.907	310.113.178
b. Chi phí trả trước dài hạn	48.031.604	51.449.009
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	33.912.162	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.119.442	51.449.009
Cộng	523.582.511	361.562.187

13. Phải trả người bán	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	1.725.655.944	1.725.655.944	1.697.236.786	1.697.236.786
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành Cao ốc Khánh Hội	493.141.938	493.141.938	138.331.192	138.331.192
Đối tượng khác	1.232.514.006	1.232.514.006	1.558.905.594	1.558.905.594
Cộng	1.725.655.944	1.725.655.944	1.697.236.786	1.697.236.786

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Quản lý Giáo dục Văn Lang (*)	400.000.000.000	200.000.000.000
Các đối tượng khác	136.373.854	255.936.677
Cộng	400.136.373.854	200.255.936.677

(*) Khoản nhận đặt cọc từ Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Quản lý Giáo dục Văn Lang đảm bảo về việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại 245/61B Hoà Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TP.HCM theo Hợp đồng đặt cọc ngày 21/12/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ được khấu trừ trong kỳ	30/06/2022
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	93.138.819	2.316.752.147	2.409.890.966	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.037.757.902	3.827.078.664	4.037.757.902	3.827.078.664
Thuế thu nhập cá nhân	28.998.870	166.562.441	162.848.107	32.713.204
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.433.353.813	2.843.308.619	5.704.902.032	571.760.400
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại phí và lệ phí khác	-	112.479.369	112.479.369	-
Cộng	7.593.249.404	9.269.181.240	12.430.878.376	4.431.552.268
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.600.736	-	-	10.600.736
Phải thu khác	-	-	404.696	404.696
Cộng	10.600.736	-	-	11.005.432
16. Chi phí phải trả ngắn hạn			30/06/2022	01/01/2022
Trích trước chi phí cải tạo nhà hàng JADE 2-4-6 Đoàn Như Hải			800.000.000	-
Chi phí phải trả khác			19.050.045	147.368.285
Cộng			819.050.045	147.368.285
17. Phải trả khác			30/06/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn				
Tiền bảo trì CC KH2 - Căn hộ			240.031.652	240.031.652
Tiền bảo trì CC KH2 - Văn phòng			73.510.684	73.510.684
Tiền bảo trì CC KH3			325.730.698	325.730.698
Cổ tức phải trả			3.870.900	3.870.900
Đào Ngọc Bảo Phương (*)			1.465.000.000	1.465.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác			1.342.234.708	1.003.070.178
Nhận ký quỹ, ký cược			10.380.593.522	10.609.270.523
+ Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu đài Ven sông			6.493.000.000	6.493.000.000
+ Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Go Viet			1.064.190.000	1.064.190.000
+ Các khoản ký quỹ, ký cược khác			2.823.403.522	3.052.080.523
Cộng			13.830.972.164	13.720.484.635
b. Dài hạn				
Khoản phải trả khác			200.802.614.000	801.014.000
+ Công ty TNHH US TALENT INTERNATIONAL - UTI (**)			200.000.000.000	-
+ Các khoản ký quỹ, ký cược			802.614.000	801.014.000
Cộng			200.802.614.000	801.014.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Phải trả khác là các bên liên quan

Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu đài Ven sông	6.493.000.000	6.493.000.000
Đào Ngọc Bảo Phương (*)	1.465.000.000	1.465.000.000
Cộng	7.958.000.000	7.958.000.000

(*) Khoản nhận đặt cọc từ Bà Đào Ngọc Bảo Phương liên quan đến tiền thuê đất, hợp tác kinh doanh với Công ty. Hiện tại, hợp đồng đã chấm dứt và các Bên đang thương thảo việc thanh lý hợp đồng.

(3) Khoản nhận tiền hợp tác Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2022/HĐHT/KH-UTI Ngày 26/01/2022 nhằm mục đích hợp tác về giáo dục tại 360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4. Thời hạn đến 01/01/2046.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem thuyết minh trang 39

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022
Đào Ngọc Bảo Phương	25.000.000.000	25.000.000.000
Bùi Thị Thanh Thuần	23.407.450.000	23.407.450.000
Hoàng Sơn Điền	18.000.000.000	18.000.000.000
Trần Lê Diệp Thuý	18.000.000.000	18.000.000.000
Lê Thị Hoài Thanh	15.593.960.000	15.593.960.000
Nguyễn Ngọc Viễn Đông	15.000.000.000	15.000.000.000
Trần Thị Bích Ngọc	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	11.201.680.000	11.201.680.000
Cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ

161.530 161.530

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	141.203.090.000	141.203.090.000
Vốn góp đầu kỳ	141.203.090.000	141.203.090.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	141.203.090.000	141.203.090.000
Lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	14.120.309	14.120.309
Cổ phiếu thường	14.120.309	14.120.309
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	161.530	161.530
Cổ phiếu thường	161.530	161.530
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.958.779	13.958.779
Cổ phiếu thường	13.958.779	13.958.779
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.974.165.433	1.817.381.673
Doanh thu giáo dục mầm non	-	5.465.226.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	15.011.641.927	15.555.769.254
Cộng	20.985.807.360	22.838.376.927
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	7.373.357.213	580.949.160
Giá vốn dịch vụ giáo dục mầm non	-	3.337.500.979
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	4.057.388.892	3.058.253.258
Cộng	11.430.746.105	6.976.703.397
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.614.294.176	3.937.910.673
Cổ tức, lợi nhuận được chia	785.806.300	551.406.500
Cộng	10.400.100.476	4.489.317.173
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	-	486.518.082
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(1.560.940.100)	-
Lỗ bán các khoản đầu tư	-	833.770.800
Cộng	(1.560.940.100)	1.320.288.882
5. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.335.851	279.562.087
Chi phí bằng tiền khác	17.175.697	-
Cộng	395.511.548	279.562.087
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.815.943.461	2.589.552.578
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.673.169	31.581.184
Chi phí khấu hao TSCĐ	188.656.697	72.093.636
Thuế, phí, lệ phí	109.964.675	196.472.163
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	139.265.233	160.629.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.432.937	396.085.984
Chi phí bằng tiền khác	1.073.251.083	1.093.372.884
Cộng	3.990.187.255	4.539.787.438

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
6. Thu nhập khác		
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	2.820.919	-
Tiền điện, nước, dịch vụ	2.543.245.638	2.743.208.033
Thu nhập khác	11.231.416	6.701.606
Cộng	2.557.297.973	2.749.909.639
7. Chi phí khác		
Tiền điện, nước, dịch vụ	2.409.819.030	2.383.343.949
Các khoản bị phạt	320.105.678	-
Chi phí khác	-	67.471.858
Cộng	2.729.924.708	2.450.815.807
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.625.919.845	762.598.806
Chi phí nhân công	1.815.943.461	3.914.441.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.863.747	1.341.616.115
Chi phí dự phòng	4.785.793.205	160.629.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.935.701.161	4.322.105.183
Chi phí khác bằng tiền	263.223.489	1.294.662.265
Cộng	15.816.444.908	11.796.052.922
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.827.078.664	2.814.127.004
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.827.078.664	2.814.127.004
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.627.731.531	12.218.702.085
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.627.731.531	12.218.702.085
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.958.779	13.958.779
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.549	875
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.627.731.531	12.218.702.085
Lãi của trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn mua, chứng quyền	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	21.627.731.531	12.218.702.085
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.958.779	13.958.779
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	13.958.779	13.958.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.549	875

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro về các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Nhóm Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

Rủi ro về bất động sản

Nhóm Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị, cá nhân có khả năng tài chính tốt mà công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Và các khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm việc kiểm soát một phần hoạt động của dự án hợp tác kinh doanh nên rủi ro là có thể kiểm soát.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	1.725.655.944	-	-	1.725.655.944
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	13.185.022.209	802.614.000	-	13.987.636.209
	14.910.678.153	802.614.000	-	15.713.292.153

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phải trả người bán	1.697.236.786	-	-	1.697.236.786
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	464.781.521	801.014.000	-	1.265.795.521
	2.162.018.307	801.014.000	-	2.963.032.307

Tài sản đảm bảo

Công ty hiện đang dùng toàn bộ nguồn thu, lợi ích thu được từ việc kinh doanh khai thác giá trị quyền sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật để thế chấp cho ngân hàng bao gồm các mặt bằng sau:

- 194 -196 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.
- 360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.
- 2-4-6 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP.HCM.
- 360-360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.
- 72-74 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính : Xem trang 40

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác ngắn hạn, cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	184.000.000.000
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	184.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty cam kết tuân thủ nguyên tắc sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các mặt bằng đã ký kết hợp đồng thuê đất với Cơ quan Nhà nước đến thời điểm lập báo cáo này.

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Liên quan đến Thuyết minh số V.5, Nhóm Công ty đã có Công văn số 05/2021CV.GRP ngày 15/6/2021 gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sacombank để xin gia hạn thời hạn thanh toán đợt 2 đến ngày 31/12/2021. Hiện tại, Nhóm Công ty vẫn chưa thanh toán đợt 2 theo như nội dung Biên bản Bán đấu giá tài sản ngày 05/3/2021 và Công văn nêu trên. Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sacombank về vấn đề này. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Ngân hàng Sacombank vẫn chưa bàn giao mặt bằng.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu đài Ven sông	Công ty liên kết	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	9.311.238.398	29.445.039
		Thu tiền cung cấp dịch vụ	20.265.206.552	-
		Nhận ký quỹ, ký cược	-	(6.493.000.000)
Công ty CP Tập đoàn Capella	Cùng thành viên chủ chốt quản lý	Cho vay ngắn hạn	67.000.000.000	69.000.000.000
		Lãi cho vay	1.786.684.932	3.949.479.449
		Phải thu tiền dịch vụ	29.445.039	29.445.039
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Quản lý Giáo dục Văn Lang	Cùng thành viên chủ chốt quản lý	Nhận trả trước theo hợp đồng	200.000.000.000	(400.000.000.000)
Công ty CP Gia Long Group	Cùng thành viên chủ chốt quản lý	Cho vay ngắn hạn	300.000.000.000	300.000.000.000
		Lãi cho vay	7.113.698.630	7.113.698.630
Công ty TNHH Chloe Hospitality	Đào Ngọc Bảo Phương- Người đại diện PL là Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
		Lãi cho vay	510.904.110	510.904.110
Đào Ngọc Bảo Phương	Cổ đông lớn	Phải trả khác	-	(1.465.000.000)
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc			6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hội đồng Quản trị		Thù lao và thưởng	313.000.000	521.000.000
Ban kiểm soát		Thù lao và thưởng	81.000.000	63.000.000
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	171.000.000	548.350.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Nhóm Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2022**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Dịch vụ, Kinh doanh bất động sản, Giáo dục mầm non. Nhóm Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Kinh doanh bất động sản	15.011.641.927	4.057.388.892	10.954.253.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.974.165.433	7.373.357.213	(1.399.191.780)
Cộng	20.985.807.360	11.430.746.105	9.555.061.255

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/21

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Nhóm Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Dịch vụ, Kinh doanh bất động sản, Giáo dục mầm non. Nhóm Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Dịch vụ, Kinh doanh bất động sản	15.555.769.254	3.058.253.258	12.497.515.996
Cung cấp dịch vụ	1.817.381.673	580.949.160	1.236.432.513
Giáo dục mầm non	5.465.226.000	3.337.500.979	2.127.725.021
Cộng	22.838.376.927	6.976.703.397	15.861.673.530

Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Nhóm Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.**THÂN THỊ THU THẢO**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

NGUYỄN VĂN NGUNG

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM NGÂN

Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	8.800.000.000	8.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng (lãi suất: 4,3% - 5,7%)	-	-	8.800.000.000	8.800.000.000
Cộng	-	-	8.800.000.000	8.800.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
b1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn (1)	30.000.000.000	32.497.407.421	30.000.000.000	31.570.221.781
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Lâu Đài Ven Sông (2)	21.681.000.000	27.542.998.529	18.063.000.000	16.515.150.267
Cộng	51.681.000.000	60.040.405.950	48.063.000.000	48.085.372.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
b2. Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Đầu tư Phát triển CN - TM Củ Chi (*)	16.159.866.666	10.889.264.000	(5.270.602.666)	16.159.866.666	9.341.646.000	(6.818.220.666)
Công ty CP Căn nhà Mơ ước Đông Nam	12.000.000.000	(**)	(9.749.524.058)	12.000.000.000	(**)	(9.749.524.058)
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận (*)	1.162.500.000	985.835.400	(176.664.600)	1.162.500.000	972.513.300	(189.986.700)
Công ty CP Sàn BĐS Bến Thành Đức Khải	585.490.000	(**)	(585.490.000)	585.490.000	(**)	(585.490.000)
Cộng	29.907.856.666		(15.782.281.324)	29.907.856.666		(17.343.221.424)

(1) Theo Giấy CNĐKDN số 0312789319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty CP Chế biến Thực phẩm Hóc Môn là 150.000.000.000 VNĐ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã đầu tư 30.000.000.000 VNĐ, tương đương 20% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm 2022, công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

(2) Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội sở hữu 1.355.400 cổ phần (giá mua khoản đầu tư là 21.681.000.000 VND) của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâu Đài Ven Sông (Vốn điều lệ là 40.200.000.000 VND) chiếm tỷ lệ 33,7% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm 2022, công ty này hoạt động kinh doanh lãi. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâu Đài Ven Sông chưa được kiểm toán.

(*) Nhóm Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Củ Chi, Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Nhóm Công ty đang nắm giữ.

(**) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Nợ xấu	30/6/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	610.945.622	267.715.016		597.339.122	393.373.749	
+ Công ty CP Dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe và Giải trí Khánh Hội	535.430.031	267.715.016	Quá hạn từ 1-2 năm dự phòng 50%	535.430.031	374.801.022	Quá hạn dưới 1 năm dự phòng 30%
+ Công ty CP Cảng Sài Gòn	61.909.091	-	Quá hạn trên 3 năm dự phòng 100%	61.909.091	18.572.727	Quá hạn từ 2- 3 năm dự phòng 70%
+ Phải thu tiền học phí mầm non	13.606.500	-	Không có khả năng thu hồi	-	-	
Tổng	610.945.622	267.715.016		597.339.122	393.373.749	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	17.601.440.355	833.979.110	1.277.318.181	222.029.726	4.039.898.518	23.974.665.890
Mua trong kỳ	-	2.551.045.836	-	-	54.600.000	2.605.645.836
Số dư cuối kỳ	17.601.440.355	3.385.024.946	1.277.318.181	222.029.726	4.094.498.518	26.580.311.726
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	9.323.679.150	733.585.624	761.885.276	222.029.726	3.510.676.492	14.551.856.268
Khấu hao trong kỳ	331.057.020	153.618.509	68.297.730	-	243.009.372	795.982.631
Số dư cuối kỳ	9.654.736.170	887.204.133	830.183.006	222.029.726	3.753.685.864	15.347.838.899
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	8.277.761.205	100.393.486	515.432.905	-	529.222.026	9.422.809.622
Số dư cuối kỳ	7.946.704.185	2.497.820.813	447.135.175	-	340.812.654	11.232.472.827

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.700.645.586 VND

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: không có

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.15. Vốn chủ sở hữu

b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	141.203.090.000	128.875.840.338	(5.551.626.964)	-	-	20.804.878.298	285.332.181.672
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	12.218.702.085	12.218.702.085
Số dư cuối kỳ trước	141.203.090.000	128.875.840.338	(5.551.626.964)	-	-	33.023.580.383	297.550.883.757
Số dư đầu kỳ này	141.203.090.000	128.875.840.338	(5.551.626.964)	-	-	44.145.763.906	308.673.067.280
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	21.627.731.531	21.627.731.531
- Trích lập quỹ hoạt động của HĐQT và BKS 2021	-	-	-	-	-	(472.497.554)	(472.497.554)
Số dư cuối kỳ này	141.203.090.000	128.875.840.338	(5.551.626.964)	-	-	65.300.997.883	329.828.301.257



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Nhóm Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2022		01/01/2022		30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các công cụ tài chính giữ đến ngày đáo hạn	-	-	8.800.000.000	-	-	8.800.000.000
- Phải thu cho vay	379.500.000.000	-	-	-	379.500.000.000	-
- Phải thu khách hàng	1.995.007.825	(281.321.515)	12.673.052.959	(160.629.009)	1.713.686.310	12.512.423.950
- Phải thu khác	12.562.846.611	(61.909.091)	3.027.278.353	(43.336.364)	12.500.937.520	2.983.941.989
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.631.250.774	-	271.655.272.134	-	9.631.250.774	271.655.272.134
TỔNG CỘNG	403.689.105.210	(343.230.606)	296.155.603.446	(203.965.373)	403.345.874.604	295.951.638.073
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	1.725.655.944	-	1.697.236.786	-	1.725.655.944	1.697.236.786
- Chi phí phải trả	819.050.045	-	147.368.285	-	819.050.045	147.368.285
- Phải trả khác	13.168.586.164	-	1.118.427.236	-	12.984.195.148	909.154.175
TỔNG CỘNG	15.713.292.153	-	2.963.032.307	-	15.528.901.137	2.753.759.246